GẮN KẾT TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

HOÀNG ĐỨC THÂN *

Giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội đang là tâm điểm trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia. Đặc biệt Việt Nam là nước đang phát triển, đang chịu tác động của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế tri thức thì mối quan hệ này càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

1 - Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội

Tăng trưởng kinh tế là một khái niệm kinh tế học được dùng để chỉ sự gia tăng về quy mô sản lượng của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định, các chỉ tiêu để đo tăng trưởng kinh tế thường được sử dụng là mức tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP), tổng sản phẩm quốc dân (GNP), GDP bình quân đầu người và các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp khác. Nội hàm tăng trưởng kinh tế là tăng lên về số lượng trong một thời gian nhất định, khái niệm này chưa thể hiện đầy đủ chất lượng của sự tăng trưởng.

Tiến bộ xã hội là sự vận động của xã hội từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ lạc hậu đến văn minh hiện đại. Tiến bộ xã hội trước hết phải xuất phát từ con người, vì con người và hướng tới sự tiến bộ của con người. Sự tiến bộ xã hội còn thể hiện ở sự phát triển ngày càng cao hơn của cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng và ý thức xã hội.

Công bằng xã hội là khái niệm mang tính chuẩn tắc phụ thuộc vào quan niệm khác nhau của mỗi giai cấp, mỗi quốc gia. Công bằng xã hội là sự công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, công bằng trong phân phối thu nhập, cơ hội phát triển và điều kiện thực hiện cơ hội. Như vậy, công bằng xã hội là một khái niệm rất rộng, bao gồm cả yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Những thước đo chủ yếu về công bằng xã hội là: Chỉ số phát triển con người (HDI); Đường cong Lorenz; Hệ số GINI; mức độ nghèo khổ; Mức độ thỏa mãn nhu cầu cơ bản của con người...

Tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội có mối quan hệ biện chứng với nhau, vừa là tiền đề, vừa là điều kiện của nhau. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện để thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; tăng trưởng kinh tế cao và bền vững là thước đo của tiến bộ và

* GS, TS. Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội

công bằng xã hội; tiến bộ, công bằng xã hội là nhân tố động lực để có tăng trưởng kinh tế cao và bền vững; tiến bộ, công bằng xã hội là biểu hiện của tăng trưởng kinh tế. Như vậy, tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội không phải là những yếu tố đối lập mà có quan hệ nhân quả với nhau.

Tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là khát vọng của tất cả các quốc gia và trong mọi thời đại. Tuy nhiên, việc đạt được mong muốn kép này là hết sức khó khăn và trong thực tiễn đã có những ý kiến cho rằng có sự đối lập giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội. Giải quyết quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội luôn luôn là yêu cầu đặt ra trong suốt quá trình phát triển kinh tế xã hội ở các nước. Bài toán đặt ra hiện nay đối với các quốc gia là thực hiện tăng trưởng kinh tế trước, sau đó mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội hay đặt tiến bộ và công bằng xã hội lên trước, sau đó mới chú trọng cho việc tăng trưởng kinh tế hay giải quyết hài hòa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội? Thực tế ở nhiều quốc gia cho thấy không thể thực hiện tiến bộ hay công bằng xã hội trước nếu như không bảo đảm nền kinh tế tăng trưởng cao, liên tục theo hướng phát triển bền vững. Mặt khác, nếu sự tăng trưởng kinh tế không bảo đảm thực hiện hiệu quả tiến bộ và công bằng xã hội thì sự tăng trưởng này cũng không có ý nghĩa. Những chính sách chỉ nhằm tăng trưởng kinh tế có thể làm gia tăng tình trạng bất bình đẳng. Mặt khác, những chính sách dựa trên ưu tiên mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội có thể dẫn đến triệt tiêu các động lực tăng trưởng kinh tế, kết cục cả mục tiêu xã hội và mục tiêu kinh tế đều không thực hiện được.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lê-nin trong việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Người khẳng định mục đích xây dựng chủ nghĩa xã hội là để không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân. Mục tiêu hàng đầu của phát triển kinh tế là nâng cao đời sống của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, làm cho đời sống của người dân ngày càng đầy đủ, sung sướng, hạnh phúc. Đời sống vật chất, theo Người, trước hết giải quyết vấn đề ăn, mặc, nhà ở, chữa bệnh. Đời sống tinh thần, theo Hồ Chí Minh, trước hết là bảo đảm học hành cho mọi người. Đồng thời Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định rõ trách nhiệm của Đảng và Nhà nước trong việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Xuất phát từ một nước nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, điều này chi phối quan điểm phân phối. Để bảo đảm tính công bằng trong phân phối, Hồ Chí Minh đòi hỏi cán bộ phải chí công, vô tư. Người quan tâm đến vấn đề phúc lợi xã hội, tuy nhiên theo Người, phúc lợi phải gắn với hiệu quả sản xuất. Như vậy, vấn đề tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội được xem xét trong quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: Mục đích của xây dựng kinh tế để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội một cách khoa học. Đảng ta cho rằng, giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội có mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại, làm tiền đề cho nhau cùng phát triển. Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiền đề để thực hiện công bằng xã

hội, không thể có công bằng, tiến bộ xã hội nếu không dựa trên nền tảng tăng trưởng kinh tế. Mặt khác, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội là động lực, điều kiện quan trọng có tác dụng thúc đẩy, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao, bền vững. Mỗi bước tiến của tăng trưởng kinh tế gắn với việc từng bước thực hiện mục tiêu tiến bộ, công bằng xã hội ở từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đại hội X của Đảng khẳng định: "Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội".

2 - Thực tiễn giải quyết quan hệ tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay

Những thành tựu đạt được

Thực hiện đường lối đổi mới từ Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12-1986), quá trình đổi mới tư duy của Đảng về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội đã đạt được những thành tựu quan trọng. Ba trụ cột chính của đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, là: Thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần, thực hiện bước chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa; thực hiện chính sách mở cửa, tích cực chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Những tư duy này được phát triển qua các đại hội Đảng tạo nên tính năng động sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, huy động các nguồn lực phát triển kinh tế. Hình thành cơ chế chính sách, huy động các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp và người lao động phát triển sản xuất kinh doanh, xem mọi hoạt động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm đều được thừa nhận; khẳng định chủ trương khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp, đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo. Chúng ta khẳng định giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu nhằm phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững. Thực hiện sự tăng trưởng kinh tế và tiến bộ công bằng xã hội trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa. Xác định văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đảng ta đã khẳng định chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm tạo điều kiện cho mọi người với tư cách từng cá nhân và cả cộng đồng đều có cơ hội phát triển, sử dụng tốt năng lực của mình. Trong nhiệm kỳ Đại hội X, Trung ương Đảng đã xây dựng và ban hành các nghị quyết về giai cấp công nhân, về tầng lớp trí thức, giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn, đồng thời xác định nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp, xây dựng đội ngũ các doanh nhân Việt Nam có trình độ, bản lĩnh thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Các chủ trương, quan điểm của Đảng đã được Chính phủ thể chế hóa thành các chính sách, kế hoạch, chương trình dự án cụ thể để đưa vào cuộc sống. Nhờ vậy, qua gần 25 năm đổi mới đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc thực hiện kết hợp tăng trưởng kinh tế với việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Điểm quan trọng là đổi mới nhận thức về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội. Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể đã chuyển sang tinh thần năng động, chủ động và tích cực xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư. Từ chỗ đề cao quá mức lợi ích của tập thể một cách

chung chung, trừu tượng; thi hành chế độ phân phối theo lao động trên danh nghĩa nhưng thực tế là bình quân, cào bằng, đã từng bước thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Nhờ vậy, công bằng xã hội được thể hiện ngày một rõ hơn. Từ chỗ không đặt đúng tầm quan trọng của chính sách kinh tế đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem trình độ phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển. Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động tham gia tạo việc làm. Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hóa giàu - nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói, giảm nghèo, coi việc một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển. Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng một cơ cấu xã hội "thuần nhất" chỉ còn giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm về việc xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh. Đã coi phát triển giáo dục, đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo điều kiện để ai cũng được học hành; có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

Nhờ đổi mới tư duy về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội nên kinh tế tăng trưởng khá nhanh và liên tục trong nhiều năm. Trong điều kiện khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2007 - 2008, Việt Nam vẫn là nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá và là một trong số ít nước có tăng trưởng kinh tế dương trong năm 2009. Việt Nam sớm khắc phục tình trạng suy giảm kinh tế và có nhiều triển vọng tiếp tục tăng trưởng kinh tế khá cao trong những năm tiếp theo. Bảng sau đây cho chúng ta thấy điều đó:

Bảng: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam

Năm	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
Tốc độ tăng trưởng GDP (%)	6,8	6,9	7,08	7,34	7,79	8,44	8,17	8,48	6,18	5,32

Nguồn: Niên giám thống kê

Thế giới đánh giá rất cao những thành tựu gắn kết tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội ở Việt Nam. Việt Nam đã thực hiện sự phát triển kinh tế hướng vào con người, nhất là những người nghèo. Thực thi chiến lược phát triển toàn diện, cùng với việc đạt được chỉ tiêu tăng trưởng GDP cao, thì tất cả các chỉ tiêu về xã hội, môi trường có liên quan trực tiếp đến tăng trưởng và sử dụng kết quả của tăng trưởng đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức. Các chỉ tiêu xã hội có xu hướng được cải thiện rõ rệt. Chỉ số HDI đo sự tiến bộ trung bình của một nước về phát triển con người bao gồm tuổi thọ, trình độ dân trí và thu nhập GDP tính theo đầu người của Việt Nam năm 2007 đã lên tới 0,725, tăng hơn so với năm 2006 (đạt 0,709) và thứ hạng HDI của Việt Nam được cải thiện 4 bậc (từ thứ 109/177 lên 105). Chỉ số phát triển con người của Việt Nam cao hơn một số nước có thu nhập bình quân đầu người cao hơn nước ta.

Nhìn chung, sau gần 25 năm đổi mới mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta đã được giải quyết một cách khá hiệu quả. Các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư. Đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn Việt Nam.

Những mặt còn hạn chế

Thách thức đặt ra về tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội cho Việt Nam hiện nay là rất to lớn và phức tạp bởi tăng trưởng kinh tế luôn ở mức dưới tiềm năng và thiếu bền vững; chủ yếu dựa trên xuất khẩu và các yếu tố tài nguyên; chất lượng thấp, sức cạnh tranh của nền kinh tế chậm được cải thiện. Trong 3 năm qua, theo Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), sức cạnh tranh của kinh tế Việt Nam liên tục bị giảm bậc, chỉ số cạnh tranh của môi trường kinh doanh cũng ở thứ hạng thấp. Tỷ lệ nghèo đói so với chuẩn thế giới còn lớn. Những mặt trái của cơ chế thị trường đang làm nảy sinh những vấn đề xã hội phức tạp như: phân hóa giàu nghèo gia tăng; sự cách biệt về trình độ phát triển giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền; sự gia tăng các tệ nạn xã hội; môi trường sinh thái ngày càng bị ô nhiễm trầm trọng ảnh hưởng đến các thế hệ mai sau. Điều này đòi hỏi phải có sự kết hợp hiệu quả giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, kết hợp ngay từ đầu và trong từng bước phát triển giữa tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

3 - Quan điểm và định hướng giải pháp nhằm giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta giai đoạn 2011 - 2020

Qua nghiên cứu lý luận, kinh nghiệm nhiều nước và thực tiễn Việt Nam chúng tôi đề nghị *quan điểm tổng quát như sau:* Tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển và trong suốt quá trình phát triển; phát triển kinh tế bền vững gắn với bảo vệ môi trường, bảo đảm an sinh xã hội, giảm bất bình đẳng; bảo đảm thống nhất chính sách phát triển kinh tế và chính sách xã hội.

Quan điểm cụ thể:

Một là, tăng trưởng kinh tế là điều kiện vật chất bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; tiến bộ, công bằng xã hội là động lực cho tăng trưởng kinh tế cao, ổn định.

Hai là, tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội là hai nhân tố chủ lực của phát triển bền vững.

Ba là, tăng trưởng kinh tế gắn với phát triển văn hóa, bảo đảm các quyền con người và bảo vệ môi trường.

Bốn là, không có công bằng tuyệt đối và cần phải xóa bỏ chủ nghĩa cào bằng, bình quân.

Trên cơ sở quan điểm tổng quát xin nêu ra một số *nguyên tắc chỉ đạo* nhằm thực hiện kết hợp tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở nước ta giai đoạn 2011 - 2020 như sau:

- Tăng trưởng kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội được thực hiện ngay trong từng quá trình phát triển và từng

giai đoạn phát triển. Điều này phải thể hiện trong hành động thực tiễn cụ thể, trên phạm vi toàn quốc và từng địa phương, không dừng ở chủ trương, cơ chế, chính sách... Phát triển hài hòa đời sống vật chất và đời sống tinh thần, gắn nghĩa vụ với quyền lợi, cống hiến với hưởng thụ.

- Thống nhất chính sách phát triển kinh tế và chính sách xã hội. Do vậy, mỗi chính sách phát triển kinh tế phải đồng thời hướng tới thúc đẩy phát triển văn hóa, xã hội. Ngược lại, mỗi chính sách xã hội phải tạo điều kiện thúc đẩy cao nhất cho sự phát triển kinh tế, mối quan hệ hữu cơ này được giải quyết hài hòa sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nói riêng, nâng cao đời sống của các tầng lớp dân cư nói chung.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi công dân có quyền tiếp cận các thông tin và các dịch vụ xã hội cơ bản nhằm phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần cải thiện đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội. Muốn vậy, phải rà soát hệ thống chính sách và các thể chế bảo đảm minh bạch, bình đẳng, dễ thực hiện đối với các loại hình doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

Để giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, cần tập trung vào những giải pháp về cơ chế, chính sách chủ yếu sau:

Thứ nhất, hoàn thiện mô hình tổng quát giai đoạn 2011 - 2020. Mô hình phát triển kinh tế Việt Nam lựa chọn trong giai đoạn tới là mô hình phát triển toàn diện, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội. Nội dung chính của mô hình này là thực hiện việc kết hợp tăng trưởng kinh tế nhanh với công bằng xã hội ngay từ đầu khi xây dựng, thực thi chính sách kinh tế, xã hội và trong toàn bộ tiến trình phát triển. Phát triển kinh tế của Việt Nam là quá trình kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa cả ba mặt là kinh tế, xã hội và môi trường.

Thứ hai, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng nhằm giải phóng triệt để sức sản xuất, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phát triển kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, với hai khu vực kinh tế là nhà nước và dân doanh. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, từng bước làm cho mọi thành viên trong xã hội đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Thứ ba, xây dựng và thực thi chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người.

Thứ tư, hoàn thiện chính sách phân phối. Chính sách phân phối và phân phối lại phải bảo đảm lợi ích của Nhà nước, người lao động và doanh nghiệp. Chú trọng phân phối lại qua phúc lợi xã hội, đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Thực hiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội

Thứ năm, đổi mới chính sách phúc lợi xã hội. Mở rộng chính sách phúc lợi xã hội thành hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc. Đây là một trong những chỉ báo quan trọng của một xã hội công bằng và văn minh.❑